

a) Tài sản bán được có giá trị từ một triệu đồng (1.000.000) trở xuống thì mức lệ phí là năm mươi nghìn đồng (50.000).

b) Từ trên một triệu đồng (trên 1.000.000) đến một trăm triệu đồng (100.000.000), thì mức lệ phí bằng 5% của giá trị tài sản bán được.

c) Từ trên một trăm triệu đồng (trên 100.000.000) đến một tỷ đồng (1.000.000.000) thì mức lệ phí bằng 2% của giá trị tài sản bán được.

d) Từ trên một tỷ đồng (trên 1.000.000.000) trở lên thì mức lệ phí là hai mươi triệu đồng (20.000.000) + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá một tỷ đồng.

3. Trong trường hợp không bán được tài sản bán đấu giá thì mức lệ phí bằng 50% của mức lệ phí được quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng tối đa không quá ba mươi triệu đồng (30.000.000).

Điều 28.- Chi phí.

Chi phí cho việc bán đấu giá do các bên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận, thì người bán tài sản phải chịu chi phí vận chuyển tài sản đến địa điểm đã thỏa thuận, chi phí thông báo công khai khi tài sản bán đấu giá là động sản có giá khởi điểm dưới mười triệu đồng, chi phí bảo quản tài sản trong trường hợp không giao tài sản cho người bán đấu giá, còn người bán đấu giá chịu chi phí bảo quản tài sản được giao, chi phí thông báo công khai khi tài sản bán đấu giá là bất động sản hoặc là động sản có giá khởi điểm trên mười triệu đồng, chi phí tổ chức việc bán đấu giá và các chi phí khác có liên quan.

Điều 29.- Chịu rủi ro.

Người bán tài sản chịu rủi ro đối với tài sản bán đấu giá không phải đăng ký quyền sở hữu cho đến khi tài sản được giao cho người mua, người mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ khi nhận tài sản bán đấu giá.

Đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, thì người bán tài sản chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu cho người mua, người mua chịu rủi ro kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký, kể cả khi người mua chưa nhận tài sản.

Điều 30.- Trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá.

1. Người bán tài sản, người bán đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ cho người tham gia đấu giá những thông tin cần thiết có liên quan đến tài sản bán đấu giá.

2. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày mua được tài sản bán đấu giá, người mua có quyền trả

lại tài sản cho người bán đấu giá và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu chất lượng của tài sản bán đấu giá không đúng như đã thông báo.

Điều 31.- Giải quyết khiếu nại, tranh chấp.

Mọi khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc bán đấu giá tài sản được giải quyết theo quy định của pháp luật.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 87-CP ngày 19-12-1996 quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Thu ngân sách Nhà nước gồm:

1. Thuế, phí, lệ phí do các tổ chức và cá nhân nộp theo quy định của pháp luật;

2. Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước:

- Lợi tức từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế;

- Tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế;

- Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi).

3. Thu từ hoạt động sự nghiệp;

4. Thu hồi quỹ dự trữ nhà nước;

5. Tiền sử dụng đất; thu từ hoa lợi công sản và đất công ích;

6. Các khoản huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng cơ sở;

7. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;

8. Các khoản di sản Nhà nước được hưởng;

9. Thu kết dư ngân sách năm trước;

10. Tiền bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp;

11. Các khoản tiền phạt, tịch thu;

12. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

13. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền, bằng hiện vật của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài;

14. Các khoản vay trong nước, vay nước ngoài của Chính phủ để bù đắp bội chi và huy động vốn đầu tư trong nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước được đưa vào cân đối ngân sách.

Điều 2.- Chi ngân sách Nhà nước gồm:

1. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường và các sự nghiệp khác;

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế;

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội;

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước;

đ) Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Các chương trình quốc gia;

i) Hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;

k) Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội;

l) Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

m) Trả lãi tiền do Nhà nước vay;

n) Viện trợ cho các Chính phủ và tổ chức nước ngoài;

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các Quỹ hỗ trợ phát triển đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế;

d) Dự trữ nhà nước;

đ) Cho vay của Chính phủ để đầu tư phát triển.

3. Chi trả nợ gốc tiền do Nhà nước vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

Điều 3.- Ngân sách Nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương (ngân sách địa phương).

Ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

1. Ngân sách cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách cấp tỉnh);

2. Ngân sách cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách cấp huyện);

3. Ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã).

Điều 4.- Phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc:

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước;

2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, tập trung các nguồn lực cơ bản để bảo đảm thực hiện các mục tiêu trọng yếu trên phạm vi cả nước;

3. Phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp và ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu, số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới từ 3 đến 5 năm. Hàng năm, trong trường hợp có trượt giá, chỉ xem xét điều chỉnh tăng số bổ sung cho ngân sách cấp dưới theo một phần trượt giá;

4. Kết thúc mỗi kỳ ổn định, căn cứ khả năng thu và yêu cầu chi, Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp và mức bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Điều 5.- Dự toán ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 3% đến 5% tổng số chi để đáp ứng các nhu cầu chi phát sinh đột xuất trong năm ngân sách.

Điều 6.-

1. Các cơ quan Nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao; thực hiện tiết kiệm; chống tham ô, lãng phí; chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện thu, chi ngân sách theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức và cá nhân phải chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả. Ngoài cơ quan có thẩm quyền giao ngân sách, không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao.

3. Cơ quan tài chính các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách nộp đầy đủ, đúng thời hạn các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; căn cứ nguồn thu ngân sách Nhà nước, cấp phát đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn và theo tiến độ thực hiện công việc.

4. Nghiêm cấm các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị tự đặt ra chế độ, tiêu chuẩn thu, chi ngân sách Nhà nước không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật.

Điều 7.-

1. Tất cả các khoản thu, chi của ngân sách Nhà nước phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách Nhà nước.

Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp và sử dụng ngân sách Nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước; quyết toán đầy đủ và trung thực các khoản thu, chi phát sinh; sử dụng hóa đơn, chứng từ thu, chi thống nhất do Bộ Tài chính phát hành.

2. Nghiêm cấm các cấp chính quyền, tổ chức và cá nhân tự giữ lại nguồn thu của ngân sách Nhà nước hoặc dùng nguồn ngân sách Nhà nước để lập quỹ ngoài ngân sách trái quy định của Chính phủ.

Điều 8.- Trong quá trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các cấp phải giải trình và cung cấp các tài liệu liên quan đến thu, chi ngân sách theo yêu cầu của Ủy ban Kinh tế và ngân sách của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội.

Điều 9.- Mọi khoản thu, chi ngân sách Nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam.

Các khoản thu ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ được đưa vào quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước và hạch toán vào ngân sách Nhà nước bằng đồng Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đối với các khoản thu của ngân sách Nhà nước tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, phải nộp vào quỹ ngân sách do Bộ Tài chính ủy quyền cho đơn vị quản lý và định kỳ phải hạch toán vào ngân sách Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mua số ngoại tệ của ngân sách khi Bộ Tài chính có nhu cầu bán ngoại tệ.

Đối với các nhu cầu chi ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ, phải lập dự toán, cấp phát và quyết toán bằng tiền đồng Việt Nam để các đơn vị mua ngoại tệ của Ngân hàng, trừ trường hợp trả nợ nước ngoài bằng ngoại tệ và một số trường hợp đặc biệt khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp thu ngân sách Nhà nước bằng hiện vật, phải quy đổi thành tiền theo mức giá thị trường tại địa phương để phản ánh vào ngân sách Nhà nước.

Điều 10.- Khi ngân sách Nhà nước, ngân sách các cấp chính quyền địa phương có biến động lớn cần thiết phải điều chỉnh dự toán ngân sách đã được quyết định, Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước, Ủy ban Nhân dân các cấp trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương.

Điều 11.- Do ngân sách cấp xã có điều kiện và đặc điểm riêng, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

cụ thể việc quản lý thu, chi ngân sách cấp xã phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước; Bộ Tài chính phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn việc tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ tài chính cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý ngân sách cấp xã.

Điều 12.- Các tổ chức chính trị - xã hội nêu tại Điều 11 của Luật Ngân sách Nhà nước gồm:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Hội Nông dân Việt Nam.

Điều 13.-

1. Ngân sách Nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo nguyên tắc sau:

Ngân sách Nhà nước cấp chênh lệch giữa các nguồn thu theo chế độ quy định (gồm thu Đảng phí, hội phí; thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước; các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật) với dự toán chi được duyệt theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ của Nhà nước.

2. Các tổ chức được ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động phải lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán theo đúng chế độ quản lý ngân sách.

Điều 14.- Kinh phí hoạt động của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức này bao gồm các khoản đóng góp tự nguyện của hội viên (hội phí, tiền lạc quyền, ủng hộ khác bằng tiền hoặc hiện vật...); các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Nhà nước không giao chỉ tiêu biên chế và kinh phí hoạt động cho các tổ chức này, mọi chi phí hoạt động (gồm cả việc trả lương cán bộ chuyên trách, chi phí bộ máy, tiền thuê trụ sở, phương tiện...) do các hội tự cân đối trên cơ sở nguồn thu của mình.

Trong một số trường hợp đặc biệt, đối với các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước, ngân

sách Nhà nước sẽ tài trợ một phần kinh phí hoạt động theo mức do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 15.- Nguồn thu của ngân sách trung ương gồm:

1. Các khoản thu 100%:

a) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt;

c) Thuế lợi tức của các đơn vị hạch toán toàn ngành;

d) Các khoản thuế và thu khác từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí (kể cả tiền thuê mặt đất, mặt nước) do Trung ương quản lý;

đ) Lợi tức từ vốn góp của Nhà nước, tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế, thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi), thu từ quỹ dự trữ Nhà nước, thu từ quỹ dự trữ tài chính của trung ương trong trường hợp đặc biệt;

e) Các khoản do Chính phủ vay; viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ theo quy định của pháp luật;

g) Các khoản phí và lệ phí nộp ngân sách trung ương: lệ phí xuất nhập cảnh, lệ phí bay qua bầu trời, phí giao thông và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định của Chính phủ;

h) Thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan trung ương quản lý;

i) Thu kết dư ngân sách trung ương;

k) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh:

a) Thuế doanh thu, trừ thuế doanh thu thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

b) Thuế lợi tức, trừ thuế lợi tức của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế lợi tức thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam;

đ) Thuế tài nguyên;

e) Thu sử dụng vốn ngân sách của các doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 16.- Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:

1. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý:

- Các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế khác;
- Các trại xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;
- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;
- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;
- Nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- Các hoạt động về môi trường;
- Các sự nghiệp khác.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;
- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Điều tra cơ bản;

- Đo đạc địa giới hành chính các cấp;
- Đo vẽ bản đồ;
- Đo đạc biên giới, cắm mốc biên giới;
- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;
- Định canh định cư và kinh tế mới;
- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Quốc phòng:
 - + Đảm bảo đời sống vật chất tinh thần, chính sách cho toàn quân;
 - + Đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học;
 - + Mua sắm trang thiết bị vũ khí và các phương tiện quân sự cho toàn quân, kể cả bộ đội địa phương;
 - + Chuẩn bị ngòi nổ, thuốc nổ và hỏa cụ cung cấp cho sản xuất mìn, lựu đạn để trang bị cho dân quân tự vệ, quân nhân dự bị;
 - + Chuẩn bị động viên công nghiệp, bao gồm chuẩn bị tài liệu thiết kế, công nghệ, hướng dẫn triển khai kỹ thuật, chuẩn bị các loại dụng cụ chuyên dùng, các loại trang bị đặc chủng quốc phòng;
 - + Diễn tập dài ngày (trên 5 ngày) của các đơn vị dự bị động viên thuộc bộ đội chủ lực;
 - + Điều động các đơn vị dân quân tự vệ, quân nhân dự bị từ tỉnh này sang tỉnh khác;
 - + Xây dựng mới, sửa chữa các công trình quân sự đặc biệt, các công trình chiến đấu, trụ sở làm việc, doanh trại, kho tàng của cơ quan quân sự từ cấp huyện trở lên;
- An ninh và trật tự an toàn xã hội:
 - + Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chính sách xã hội cho lực lượng công an nhân dân;
 - + Đào tạo huấn luyện, nghiên cứu khoa học;
 - + Mua sắm trang thiết bị vũ khí và các phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng công an nhân dân;
 - + Quản lý và cải tạo phạm nhân;
 - + Phòng cháy, chữa cháy;
 - + Xây dựng mới, sửa chữa các công trình đặc biệt, doanh trại, trụ sở làm việc, kho tàng của lực lượng công an nhân dân; sửa chữa trại giam, trại cải tạo phạm nhân từ cấp huyện trở lên;
- d) Hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,

hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân;

đ) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam; hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

f) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Các chương trình quốc gia do Trung ương quản lý;

i) Hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;

k) Thực hiện các chính sách đối với thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội khác;

l) Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương theo quy định của pháp luật;

m) Trả lãi tiền do Chính phủ vay;

n) Viện trợ;

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Trung ương quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế;

d) Dự trữ nhà nước;

đ) Cho vay của Chính phủ để đầu tư phát triển.

3. Trả nợ gốc tiền do Chính phủ vay.

4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Bổ sung cho ngân sách cấp tỉnh.

Điều 17.- Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh gồm:

1. Các khoản thu 100%:

a) Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài, trừ tiền cho thuê mặt đất, mặt nước từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí do Trung ương quản lý;

b) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước;

c) Lệ phí trước bạ;

d) Các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Viện trợ không hoàn lại bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ;

g) Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

h) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;

i) Thu từ quỹ dự trữ tài chính tỉnh trong trường hợp đặc biệt;

k) Thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan cấp tỉnh quản lý;

l) Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

m) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

n) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

o) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh:

a) Thuế doanh thu, trừ thuế doanh thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

b) Thuế lợi tức, trừ thuế lợi tức của các đơn vị hạch toán ngành và thuế lợi tức thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam;

đ) Thuế tài nguyên;

e) Thu sử dụng vốn ngân sách của các doanh nghiệp nhà nước.

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách xã, thị trấn:

- a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- c) Thuế nhà, đất;
- d) Tiền sử dụng đất.

Điều 18.- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh gồm:

1. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

- Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác;

- Đại học tại chức, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

- Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ khác;

- Các hoạt động về môi trường;

- Các sự nghiệp khác.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông

ng nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Sự nghiệp thị chính (áp dụng cho các thành phố trực thuộc Trung ương, trừ phần giao cho thị xã): duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;

- Điều tra cơ bản;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, gồm:

- Quốc phòng:

- + Huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ;

- + Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác;

- + Hoạt động của các đơn vị tự vệ luân phiên thoát ly sản xuất làm nghĩa vụ thường trực chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu ở những vùng trọng điểm biên giới, hải đảo trong một số trường hợp đặc biệt theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng;

- + Xây dựng phương án phòng thủ khu vực;

- + Vận chuyển vũ khí, khí tài, quân trang quân dụng cho lực lượng dân quân tự vệ và quân nhân dự bị;

- + Tiếp đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội:

- + Hỗ trợ các chiến dịch phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm;

- + Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội;

- + Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy;

- + Hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ.

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh;

đ) Hoạt động các cơ quan cấp tỉnh của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động các cơ quan cấp tỉnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

g) Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý;

i) Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho cấp tỉnh quản lý;

k) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

l) Trả lãi tiền vay cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc tiền vay cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

Điều 19.- Nguồn thu của ngân sách cấp huyện gồm:

1. Các khoản thu 100%.

a) Thuế môn bài, trừ thuế môn bài thu từ các hộ kinh doanh nhỏ trên địa bàn xã, thị trấn;

b) Thuế sát sinh thu từ các doanh nghiệp giết mổ gia súc trên địa bàn phường;

c) Các khoản phí và lệ phí từ các hoạt động do các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý;

d) Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị do cấp huyện quản lý;

đ) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;

e) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

g) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện;

h) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

i) Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

k) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách xã, thị trấn:

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

c) Thuế nhà, đất;

d) Tiền sử dụng đất.

3. Ngoài các khoản thu quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này, đối với các thị xã, thành phố thuộc tỉnh còn được phân chia thêm một phần theo tỷ lệ phần trăm (%) về thuế doanh thu (trừ thuế doanh thu thu từ hoạt động xổ số kiến thiết), thuế lợi tức (trừ thuế lợi tức của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế lợi tức thu từ hoạt động xổ số kiến thiết), lệ phí trước bạ thu trên địa bàn.

Điều 20.- Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện gồm:

1. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, xã hội và các sự nghiệp khác do cơ quan cấp huyện quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cơ quan cấp huyện quản lý:

- Nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi;

- Giao thông;

- Sự nghiệp thị chính (áp dụng đối với ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh): duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Quốc phòng:

+ Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân;

+ Công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về;

+ Đăng ký quân nhân dự bị;

+ Tổ chức huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ;

+ Hội nghị và tập huấn nghiệp vụ dân quân tự vệ.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội:

+ Tuyên truyền giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh;

+ Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội.

d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước cấp huyện;

đ) Hoạt động của cơ quan cấp huyện của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của cơ quan cấp huyện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

g) Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh. Trong phân cấp đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh, phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.

3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

Điều 21.- Nguồn thu của ngân sách xã, thị trấn gồm:

1. Các khoản thu 100%:

a) Thuế môn bài thu từ các hộ kinh doanh nhỏ;

b) Thuế sát sinh;

c) Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật;

d) Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

đ) Tiền thu từ các hoạt động sự nghiệp do xã, thị trấn quản lý;

e) Các khoản đóng góp tự nguyện cho xã, thị trấn;

g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn theo quy định của pháp luật;

h) Thu kết dư của ngân sách xã, thị trấn;

i) Bổ sung từ ngân sách cấp trên;

k) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách xã, thị trấn:

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

c) Thuế nhà, đất;

d) Tiền sử dụng đất.

Điều 22.- Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn gồm:

1. Chi thường xuyên về:

a) Công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do xã, thị trấn quản lý;

b) Hỗ trợ kinh phí bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo do xã, thị trấn quản lý;

c) Hoạt động y tế xã, thị trấn;

d) Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, đường giao thông do xã, thị trấn quản lý;

đ) Hoạt động của các cơ quan nhà nước xã, thị trấn;

e) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam xã, thị trấn;

g) Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ;

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

- Tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội.

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi đầu tư phát triển:

Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh.

Điều 23.- Ngoài các khoản thu, chi theo quy định tại các Điều 21, 22 của Nghị định này, chính quyền xã, thị trấn còn được huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn trên nguyên tắc tự nguyện theo phương án được Hội đồng Nhân dân xã, thị trấn duyệt. Việc quản lý khoản đóng góp này phải công khai, có kiểm tra, kiểm soát và đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 24.- Nguồn thu của ngân sách phường gồm:

1. Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho ngân sách phường theo quy định của pháp luật;

2. Thuế sát sinh, trừ thuế sát sinh thu từ các doanh nghiệp giết mổ gia súc;

3. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho phường;

4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật;

5. Thu kết dư ngân sách phường;

6. Bổ sung từ ngân sách cấp trên;

7. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25.- Nhiệm vụ chi của ngân sách phường gồm:

1. Chi công tác xã hội và hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao do phường quản lý;

2. Chi về hoạt động cơ quan nhà nước phường;

3. Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam phường;

4. Chi về công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ;

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

- Tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26.- Ngoài các nguồn thu quy định tại Điều 17 của Nghị định này, chính quyền tỉnh được quyền:

1. Huy động vốn trong nước để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước. Mức dư nợ các nguồn vốn huy động tại thời điểm huy động không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của ngân sách cấp tỉnh. Khi có nhu cầu huy động vốn, Ủy ban Nhân dân tỉnh lập phương án báo cáo Hội đồng Nhân dân thông qua, gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Các nguồn vốn huy động được đưa vào cân đối ngân sách cấp tỉnh và chỉ

được chi cho mục tiêu đã định. Nội dung phương án phải nêu rõ:

- Dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Tổng số vốn đầu tư cần huy động và dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh;

- Hình thức huy động vốn; khối lượng huy động; lãi suất và phương án trả nợ khi đến hạn;

- Dư nợ vốn huy động;

- Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện tại và kế hoạch ngân sách các năm tiếp theo;

- Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án.

2. Quyết định mức phụ thu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và chi cho các mục tiêu nhất định. Ủy ban Nhân dân tỉnh lập phương án huy động và sử dụng tiền phụ thu báo cáo Hội đồng Nhân dân xem xét, quyết định. Các nguồn phụ thu được đưa vào cân đối ngân sách cấp tỉnh và chỉ được chi cho mục tiêu đã định.

3. Quyết định mức thu phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 27.- Việc lập quỹ đầu tư của thành phố, thị xã được thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 28.-

1. Chính phủ quyết định cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tỷ lệ này được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu được phân chia.

2. Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và ngân sách từng xã, thị trấn. Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) về thuế doanh thu, thuế lợi tức quy định tại Khoản 3 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước phải bảo đảm tổng mức phân chia cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh không được vượt quá mức quy định cho tỉnh về hai loại thuế này.

Điều 29.- Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định phương án bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân quyết định phương

án bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng huyện và quy định việc bổ sung cho ngân sách cấp xã.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 30.- Căn cứ lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm:

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Những nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương;

- Phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới đã được quy định;

- Chế độ thu; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách;

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau; Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách và văn bản hướng dẫn của các Bộ;

- Số kiểm tra về dự toán ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thông báo;

- Tình hình thực hiện dự toán ngân sách các năm trước.

Điều 31.-

1. Trước ngày 15 tháng 6 hàng năm, Thủ tướng Chính phủ ra chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau, làm căn cứ hướng dẫn lập dự toán ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn các cơ quan trung ương, các địa phương về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách Nhà nước.

3. Các cơ quan trung ương, Ủy ban Nhân dân tỉnh căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của cơ quan, địa phương, hướng

dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban Nhân dân cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

Điều 32.- Yêu cầu đối với dự toán ngân sách hàng năm:

1. Dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán phải lập theo đúng quy định, biểu mẫu và thời gian do cơ quan tài chính hướng dẫn; phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi của đơn vị theo Mục lục Ngân sách Nhà nước.

2. Dự toán ngân sách các cấp phải tổng hợp theo từng loại thu, từng lĩnh vực chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ.

3. Dự toán ngân sách phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.

Điều 33.- Các doanh nghiệp căn cứ vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh của mình, các luật, pháp lệnh về thuế và các chế độ thu ngân sách, đăng ký số thuế và các khoản phải nộp ngân sách gửi cơ quan thuế và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách.

Điều 34.-

1. Cục Hải quan các tỉnh lập kế hoạch thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc mình quản lý và các khoản thu khác liên quan đến xuất, nhập khẩu gửi Tổng cục Hải quan, Ủy ban Nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính Vật giá.

Tổng cục Hải quan phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu và các khoản thu khác liên quan đến xuất, nhập khẩu của cả nước gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán thu ngân sách Nhà nước trình Chính phủ.

2. Cơ quan thuế ở địa phương lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan thuế cấp trên, Ủy ban Nhân dân và cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 35.-

1. Các đơn vị dự toán và các doanh nghiệp nhà nước lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên.

2. Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự

toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng gửi:

- Cơ quan kế hoạch cùng cấp (phần dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản);

- Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên (phần dự toán chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực);

- Cơ quan quản lý chương trình quốc gia (phần dự toán chi chương trình quốc gia).

Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên.

Dự toán thu, chi ngân sách phải kèm theo bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán từng khoản thu, chi.

Điều 36.- Lập và quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và dự toán ngân sách các cấp:

1. Lập và quyết định dự toán ngân sách xã:

Ủy ban Nhân dân xã lập dự toán thu, chi ngân sách xã, trình Hội đồng Nhân dân xã xem xét quyết định và báo cáo Ủy ban Nhân dân huyện, đồng gửi Phòng Tài chính - Vật giá huyện.

Hội đồng Nhân dân xã quyết định dự toán ngân sách xã năm sau trước ngày 15 tháng 8 năm trước.

2. Lập và quyết định dự toán ngân sách huyện:

Phòng Tài chính huyện xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc huyện và dự toán thu do cơ quan thuế lập, lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách huyện (gồm dự toán ngân sách các xã và dự toán ngân sách cấp huyện) báo cáo Ủy ban Nhân dân huyện để trình Hội đồng Nhân dân huyện quyết định và báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá, đồng gửi:

- Sở Kế hoạch và đầu tư (phần dự toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản);

- Sở quản lý ngành, lĩnh vực (phần dự toán chi theo ngành, lĩnh vực do Sở quản lý).

Hội đồng Nhân dân huyện quyết định dự toán ngân sách huyện năm sau trước ngày 31 tháng 8 năm trước.

3. Lập và quyết định dự toán ngân sách tỉnh:

Sở Tài chính - Vật giá xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc tỉnh lập, dự toán thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập (nếu có), lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên

địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách tỉnh (gồm dự toán ngân sách huyện và dự toán ngân sách cấp tỉnh) trình Ủy ban Nhân dân tỉnh để trình Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định, trình Chính phủ và báo cáo Bộ Tài chính, đồng gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (phần dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản);

- Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực (phần dự toán chi theo ngành, lĩnh vực);

- Cơ quan quản lý chương trình quốc gia (phần dự toán chi chương trình quốc gia).

Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách tỉnh năm sau trước ngày 15 tháng 9 năm trước.

4. Lập và quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và ngân sách trung ương.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách do các Bộ, cơ quan nhà nước trung ương và các tỉnh lập, dự toán chi theo ngành, lĩnh vực, chi chương trình quốc gia do các Bộ, cơ quan quản lý chương trình quốc gia lập, nhu cầu trả nợ và khả năng vay, lập dự toán thu, chi ngân sách trung ương, tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước trình Chính phủ để trình Quốc hội quyết định; lập phương án phân bổ ngân sách trung ương cho từng Bộ, ngành và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 37.- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Nhân dân các cấp và các cơ quan nhà nước trong quá trình lập, tổng hợp và phân bổ dự toán ngân sách:

1. Ủy ban Nhân dân:

a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; phối hợp và chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan ở địa phương lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn;

b) Trước khi trình Hội đồng Nhân dân quyết định dự toán ngân sách, phải xin ý kiến của Ủy ban Nhân dân cấp trên (đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ);

c) Kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng Nhân dân cấp dưới; yêu cầu Hội đồng Nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách trong trường hợp cần thiết.

2. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Tổ chức làm việc với Ủy ban Nhân dân cấp dưới, các cơ quan, đơn vị có liên quan; có quyền

yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội trước khi Hội đồng Nhân dân quyết định ngân sách; dự kiến mức bổ sung hàng năm từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Trong quá trình thảo luận để tổng hợp và lập dự toán ngân sách, nếu còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan và chính quyền cấp dưới, cơ quan tài chính các cấp ở địa phương phải trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính phải trình Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình;

c) Phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trong việc lập và phân bổ dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho từng đơn vị, từng dự án công trình;

d) Phối hợp với cơ quan quản lý chương trình quốc gia trong việc lập phương án phân bổ dự toán chi chương trình quốc gia cho các đơn vị;

đ) Đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách;

e) Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách Nhà nước, dự kiến mức và thời điểm tạm ứng tiền từ Ngân hàng Nhà nước để bù đắp thiếu hụt tạm thời của ngân sách trung ương trong năm;

g) Bộ Tài chính xem xét nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng Nhân dân tỉnh để đề xuất ý kiến trình Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Hội đồng Nhân dân tỉnh điều chỉnh lại dự toán ngân sách tỉnh trong trường hợp cần thiết.

3. Cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự án kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách; trình Chính phủ để trình Quốc hội danh mục các chương trình, dự án quốc gia, các công trình xây dựng cơ bản quan trọng được đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan kế hoạch và đầu tư ở địa phương thống nhất với cơ quan tài

chính cùng cấp lập và phân bổ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho từng đơn vị, từng dự án, công trình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để làm căn cứ tổng hợp, lập dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao cho các đơn vị.

4. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương:

a) Các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách Nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;

b) Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương tổ chức lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý, lập dự toán chi theo ngành, lĩnh vực phụ trách gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên; phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và Ủy ban Nhân dân cấp dưới lập và phân bổ dự toán ngân sách theo ngành, lĩnh vực;

c) Các cơ quan quản lý chương trình quốc gia phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán và phương án phân bổ dự toán chi chương trình quốc gia cho các đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao cho các đơn vị.

Điều 38.-

1. Sau khi dự toán ngân sách Nhà nước được Quốc hội quyết định, Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Trình Chính phủ phương án phân bổ ngân sách trung ương cho từng Bộ, ngành và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh để Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng Bộ, ngành; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho từng tỉnh;

c) Hướng dẫn chi tiết nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan trung ương, Ủy ban Nhân dân tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước.

2. Trong trường hợp nghị quyết của Hội đồng Nhân dân không phù hợp với nhiệm vụ thu, chi ngân sách cấp trên giao, Ủy ban Nhân dân điều chỉnh lại dự toán ngân sách và phương án phân bổ thu, chi ngân sách, trình Hội đồng Nhân dân quyết định.

3. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cùng cấp, Ủy ban Nhân dân quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

Điều 39.-

1. Dự toán ngân sách Nhà nước khi trình Quốc hội phải kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 47 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Dự toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương khi trình Hội đồng Nhân dân phải kèm theo các tài liệu cần thiết sau:

a) Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách năm trước, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, căn cứ xây dựng dự toán ngân sách và biện pháp thực hiện dự toán ngân sách;

b) Danh mục các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

c) Phương án phụ thu và sử dụng phụ thu;

d) Phương án huy động và sử dụng khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng;

đ) Trường hợp ngân sách cấp tỉnh có nhu cầu huy động vốn đầu tư trong nước để đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng do cấp tỉnh quản lý, phải có thêm hồ sơ dự án để trình Hội đồng Nhân dân, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

e) Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ dự toán thu, chi ngân sách.

Điều 40.- Đối với việc lập dự toán ngân sách Nhà nước năm 1997, Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nội dung và phương pháp, làm căn cứ để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu, số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để ổn định trong 3 năm (1997 - 1999).

Chương IV

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 41.-

1. Sau khi được Chính phủ, Ủy ban Nhân dân giao kế hoạch ngân sách, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương có trách nhiệm phân bổ dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách, bảo đảm đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết.

2. Kết quả phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp và kho bạc nơi giao dịch; cơ quan tài chính có trách nhiệm kiểm tra nếu có vấn đề không phù hợp với nội dung dự toán do cơ quan có thẩm quyền giao thì yêu cầu điều chỉnh lại.

3. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Điều 42.-

1. Trong trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính được phép tạm cấp kinh phí cho các nhiệm vụ chi sau:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương;

- Chi nghiệp vụ phí và công vụ phí;

- Một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy, trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa;

- Chi cho các công trình xây dựng cơ bản chuyển tiếp thuộc nguồn ngân sách Nhà nước đã xác định khối lượng đủ điều kiện thanh toán;

- Chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình quốc gia;

- Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2. Mức tạm cấp hàng tháng tối đa không quá mức chi bình quân 1 tháng của năm trước.

Điều 43.-

1. Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Khi các tổ chức, cá nhân chậm nộp các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước mà không có lý do chính đáng, căn cứ vào yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nêu tại Khoản 3 Điều này, các ngân hàng và kho bạc phải trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân đó nộp vào ngân sách Nhà nước hoặc áp dụng các biện pháp tài chính khác để thu cho ngân sách.

3. Các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ngân hàng, kho bạc trích tài khoản của tổ chức, cá nhân để nộp ngân sách Nhà nước là:

- Cơ quan thuế, cơ quan hải quan đối với việc chậm nộp các khoản thuế và phí;

- Cơ quan tài chính đối với việc chậm nộp các khoản thu khác.

4. Trường hợp các tổ chức, cá nhân cố tình không nộp thì ngoài việc trích tài khoản để nộp ngân sách còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 44.- Toàn bộ các khoản thu của ngân sách Nhà nước phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Đối với một số khoản thu phí, lệ phí, thu thuế hộ kinh doanh không cố định, thu ngân sách ở địa bàn xã... do lý do khách quan mà việc nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước có khó khăn thì cơ quan thu có thể thu trực tiếp, song phải nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 45.-

1. Chỉ các cơ quan dưới đây được tổ chức thu ngân sách Nhà nước:

- Cơ quan Thuế nhà nước;
- Cơ quan Hải quan;
- Cơ quan Tài chính và các cơ quan khác được Chính phủ cho phép, hoặc được Bộ Tài chính ủy quyền.

2. Cơ quan thu có nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan thu phải sử dụng chứng từ do Bộ Tài chính phát hành để thực hiện thu, nộp ngân sách.

Điều 46.-

1. Căn cứ vào mục đích vay, việc sử dụng vốn vay được thực hiện theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản vay cho các dự án đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc đối tượng ngân sách Nhà nước cấp phát, Bộ Tài chính thực hiện cấp phát vốn theo chế độ quy định.

- Đối với các khoản vay cho các dự án thuộc đối tượng tín dụng nhà nước, Bộ Tài chính thực hiện cho vay lại.

2. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc quản lý thu và cấp phát vốn vay nước ngoài theo nguyên tắc trên và phù hợp với từng hiệp định đã ký kết với nước ngoài.

Điều 47.- Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc bằng hiện vật của các Chính phủ, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách Nhà nước theo quy định sau đây:

1. Đối với các khoản viện trợ đã xác định được đơn vị sử dụng thì cơ quan tài chính làm thủ tục ghi thu, ghi chi qua ngân sách Nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ chưa xác định đơn vị sử dụng, cơ quan tài chính có trách nhiệm quản lý và ghi thu ngân sách, đồng thời xác định phương án sử dụng theo đúng các cam kết, mục tiêu đã thỏa thuận với phía viện trợ, trình cấp có thẩm quyền quyết định, sau đó phân phối cho các đơn vị sử dụng và làm thủ tục cấp phát ngân sách Nhà nước.

Điều 48.- Chi ngân sách Nhà nước chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã có trong dự toán ngân sách Nhà nước được duyệt, trừ các trường hợp sau:

a) Dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phải điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách như quy định tại các Điều 56 và 62 của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Chi từ nguồn dự phòng ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

2. Đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định;

3. Đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền chuẩn chi;

4. Ngoài các điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2, 3 của Điều này, trường hợp sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc và các công việc khác phải đấu thầu thì còn phải tổ chức đấu thầu theo quy định của Chính phủ.

Điều 49.- Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc quản lý, cấp phát chi ngân sách Nhà nước được quy định cụ thể như sau:

1. Cơ quan tài chính:

a) Kiểm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng theo quy định tại Điều 41 của Nghị định này;

b) Thông báo hạn mức chi hàng quý phù hợp với nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán năm được duyệt;

c) Kiểm tra mục đích, tính chất của từng khoản chi, bảo đảm đủ các điều kiện chi được quy định trước khi ra lệnh xuất quỹ ngân sách trong các trường hợp cơ quan tài chính cấp phát trực tiếp;

d) Kiểm tra việc sử dụng ngân sách ở các cơ quan và đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Cơ quan Kho bạc Nhà nước:

Kiểm tra lệnh chuẩn chi; nếu lệnh chuẩn chi phù hợp với hạn mức chi do cơ quan tài chính thông báo và bảo đảm các điều kiện chi quy định tại Điều 48 Nghị định này thì thanh toán cho người nhận tiền.

3. Cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương:

a) Căn cứ vào hạn mức chi hàng quý được cơ quan tài chính thông báo, phân phối mức chi hàng quý cho các đơn vị trực thuộc theo ủy quyền của cơ quan tài chính; đồng gửi cho cơ quan tài chính đồng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan quản lý và của các đơn vị trực thuộc.

4. Đơn vị sử dụng ngân sách:

a) Chuẩn chi đúng chế độ, tiêu chuẩn và mức chi được phân phối do cơ quan có thẩm quyền quy định;

b) Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

Điều 50.-

1. Cấp phát các khoản chi thường xuyên của các đơn vị hành chính, sự nghiệp:

a) Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán chi hàng quý gửi cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

b) Cơ quan tài chính thẩm tra dự toán chi của từng đơn vị sử dụng ngân sách và căn cứ vào khả năng ngân sách để bố trí mức chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoặc bố trí mức chi cho cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị và ủy quyền cho cơ quan quản lý cấp trên phân phối cho từng đơn vị sử dụng ngân sách, thông báo cho đơn vị sử dụng ngân sách và kho bạc nơi giao dịch để thực hiện.

c) Mức chi hàng quý được phân phối là hạn mức cao nhất mà đơn vị sử dụng ngân sách được chi trong quý.

d) Căn cứ vào hạn mức chi được phân phối, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách ra lệnh chuẩn chi kèm theo hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

đ) Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch căn cứ vào thông báo hạn mức chi được cơ quan tài chính hoặc cơ quan quản lý cấp trên phân phối cho đơn vị, kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ thanh toán,

các điều kiện chi và lệnh chuẩn chi của thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, thực hiện việc cấp phát, thanh toán.

e) Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện từng bước nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, người cung cấp hoặc người nhận thầu.

g) Đối với các khoản chi nhỏ và các khoản chi chưa có điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp, Kho bạc Nhà nước cấp tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách để chủ động chi theo dự toán được duyệt, sau đó thanh toán với Kho bạc Nhà nước để chuyển từ cấp tạm ứng sang thực chi.

Bộ Tài chính quy định cụ thể hạn mức được tạm ứng phù hợp với loại hình và quy mô hoạt động của các đơn vị sử dụng ngân sách.

h) Đối với các khoản chi của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, căn cứ vào hạn mức chi hàng quý do cơ quan tài chính thông báo, đơn vị được rút tiền từ quỹ ngân sách do Bộ Tài chính ủy quyền cho đơn vị quản lý để chi tiêu theo dự toán được duyệt và theo chế độ quy định.

2. Cấp phát và cho vay vốn đầu tư xây dựng:

a) Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách được giao, chủ đầu tư lập kế hoạch thanh toán hàng quý gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư (Tổng cục Đầu tư phát triển, Cục Đầu tư phát triển các tỉnh hoặc Chi cục Đầu tư phát triển các quận, huyện). Cơ quan cấp phát vốn đầu tư xem xét, tổng hợp kế hoạch quý gửi cơ quan tài chính;

b) Cơ quan tài chính thẩm tra kế hoạch chi của cơ quan cấp phát vốn đầu tư và căn cứ vào khả năng ngân sách để bố trí mức chi hàng quý cho cơ quan cấp phát vốn đầu tư, trong đó có chi tiết mức chi cho những công trình quan trọng;

c) Căn cứ mức chi do cơ quan tài chính thông báo, cơ quan cấp phát vốn đầu tư phân bổ hạn mức chi hàng quý cho từng chủ đầu tư;

d) Căn cứ hạn mức chi được phân bổ và khối lượng xây dựng cơ bản đủ điều kiện thanh toán, chủ đầu tư gửi hồ sơ thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn đầu tư;

đ) Cơ quan cấp phát vốn đầu tư thẩm định hồ sơ cấp phát thanh toán và yêu cầu Kho bạc Nhà nước thanh toán cho chủ đầu tư hoặc thay chủ đầu tư thanh toán cho người nhận thầu;

e) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể phương pháp và trình tự cấp phát, cho vay và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách Nhà nước phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Điều lệ Quản lý đầu tư và

xây dựng và các điều kiện của từng khoản cấp phát, vay.

3. Trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý Nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thuộc chức năng của mình thì cơ quan tài chính cấp trên phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cơ quan tài chính cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng chế độ cấp phát vốn ngân sách Nhà nước nhưng phải hạch toán và báo cáo riêng cho cơ quan nhà nước ủy quyền. Đến ngày 31 tháng 12, kinh phí ủy quyền chưa sử dụng hết phải trả lại ngân sách cấp trên.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương thức cấp phát các khoản chi khác của ngân sách Nhà nước.

Điều 51.-

1. Chính phủ điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan trung ương khác; điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh, mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội trong các trường hợp sau:

a) Quốc hội điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước;

b) Có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh;

c) Có biến động lớn về thu, chi ngân sách so với mức đã phân bổ.

2. Ủy ban Nhân dân các cấp theo thẩm quyền, điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các cơ quan trực thuộc; điều chỉnh tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, số bổ sung cho ngân sách cấp dưới và báo cáo Hội đồng Nhân dân trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng Nhân dân điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương;

b) Có biến động lớn về thu, chi ngân sách so với mức đã phân bổ.

3. Cơ quan nhà nước điều chỉnh dự toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc, sau khi thỏa thuận với cơ quan tài chính cùng cấp, trong các trường hợp sau:

a) Chính phủ, Ủy ban Nhân dân quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của cơ quan đó;

b) Cần phân bổ lại ngân sách cho các đơn vị.

4. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách khi cần thiết phải xếp lại các khoản chi để đáp ứng các yêu cầu cần thiết thì thủ trưởng đơn vị lập phương án điều chỉnh báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp để giải quyết.

Điều 52.- Trong quá trình chấp hành ngân sách, nếu có sự thay đổi về thu, chi, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện như sau:

1. Nếu tăng thu hoặc tiết kiệm chi so với dự toán được duyệt thì số tăng thu hoặc tiết kiệm chi được dùng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ hoặc để bổ sung quỹ dự trữ tài chính, hoặc tăng chi một số khoản cần thiết khác nhưng không được tăng chi về quỹ tiền lương, trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Nếu giảm thu so với dự toán được duyệt thì phải sắp xếp lại để giảm một số khoản chi tương ứng.

3. Nếu có nhu cầu chi đột xuất ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà nguồn dự phòng không đủ đáp ứng thì phải sắp xếp lại các khoản chi, để có nguồn đáp ứng nhu cầu chi đột xuất đó.

4. Khi thực hiện việc tăng, giảm thu, chi, Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban Nhân dân (đối với ngân sách địa phương) phải báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội hoặc Hội đồng Nhân dân cùng cấp vào kỳ họp gần nhất.

Điều 53.-

1. Tất cả các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình cấp phát, thanh toán, sử dụng kinh phí.

2. Kho bạc Nhà nước là cơ quan quản lý quỹ ngân sách Nhà nước (quỹ ngân sách trung ương và quỹ ngân sách các cấp chính quyền địa phương), thống nhất quản lý, tổ chức thanh toán, điều hòa vốn và tiền mặt thuộc quỹ ngân sách Nhà nước nhằm tập trung nhanh, đầy đủ các khoản thu; đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách Nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng Thương mại quốc doanh theo quy định để tập trung các khoản thu, cấp phát, thanh toán các khoản chi của ngân sách Nhà nước. Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản có trách nhiệm bảo đảm thanh toán, điều hòa tiền mặt, ngoại tệ cho Kho bạc

Nhà nước đầy đủ, kịp thời theo nhiệm vụ thu, chi của ngân sách Nhà nước. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng được hưởng lãi suất như các đơn vị, tổ chức kinh tế; các khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước qua Ngân hàng phải trả phí thanh toán.

Điều 54.- Kết thúc năm ngân sách, đối với các tỉnh có số tăng thu từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt so với nhiệm vụ được giao, Chính phủ quyết định trích một phần theo tỷ lệ phần trăm (%) của số tăng thu đó thưởng cho ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc sử dụng tiền thưởng cụ thể cho từng công trình và xét thưởng cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định, báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Điều 55.-

1. Dự phòng ngân sách được sử dụng để khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa và trong trường hợp phát sinh nhu cầu chi cấp thiết chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách được giao (kể cả nhu cầu tăng chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới), mà sau khi sắp xếp lại các khoản chi, cơ quan chủ quản, đơn vị sử dụng ngân sách, chính quyền cấp dưới vẫn không xử lý được.

2. Thẩm quyền xử lý như sau:

a) Đối với dự phòng ngân sách trung ương, Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyết định mức chi từ 1.000 triệu đồng trở xuống sau đó tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trên mức này, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Đối với dự phòng ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quyết định hoặc ủy quyền cho cơ quan tài chính quyết định.

3. Việc sử dụng dự phòng ngân sách phải tuân thủ các điều kiện về chi ngân sách và theo quy trình cấp phát quy định tại các Điều 48, 49, 50 của Nghị định này.

Điều 56.- Quỹ dự trữ tài chính:

1. Nguồn hình thành quỹ dự trữ tài chính:

a) Quỹ dự trữ tài chính của trung ương được hình thành từ các nguồn:

- Một phần số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán. Mức cụ thể do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Năm mươi phần trăm (50%) kết dư ngân sách trung ương;

- Bố trí trong dự toán chi hàng năm của ngân sách trung ương. Mức cụ thể do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

b) Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh được hình thành từ các nguồn:

- Một phần số tăng thu so với dự toán của ngân sách cấp tỉnh. Mức cụ thể do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định;

- Năm mươi phần trăm (50%) kết dư ngân sách cấp tỉnh;

- Bố trí trong dự toán chi hàng năm của ngân sách cấp tỉnh. Mức cụ thể do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân quyết định.

2. Quản lý và sử dụng quỹ dự trữ tài chính:

a) Quỹ dự trữ tài chính được quản lý tại Kho bạc Nhà nước.

b) Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính là chủ tài khoản; quỹ dự trữ tài chính của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh là chủ tài khoản.

c) Việc trích lập quỹ dự trữ tài chính được thực hiện dần từng năm; mức khống chế tối đa là 25% dự toán chi ngân sách hàng năm của cấp tương ứng.

d) Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu chi khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả trong năm ngân sách, trừ các trường hợp đặc biệt được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều này.

d) Ngân sách cấp tỉnh được vay quỹ dự trữ tài chính của Trung ương nếu đã sử dụng hết quỹ dự trữ của tỉnh. Ngân sách cấp huyện và cấp xã được vay quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

e) Trong trường hợp thu ngân sách hoặc vay để bù đắp bội chi không đạt mức dự toán đã được duyệt hoặc xảy ra thiên tai, dịch họa lớn mà sau khi đã sắp xếp lại ngân sách và sử dụng dự phòng ngân sách vẫn không đủ nguồn để đáp ứng nhiệm vụ chi:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của Trung ương để xử lý cân đối ngân sách.

- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính của tỉnh để xử lý cân đối ngân sách, báo cáo Hội đồng Nhân dân cùng cấp và Bộ Tài chính.

Điều 57.- Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm cấp phát, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo đúng tiến độ thực hiện, trong phạm vi dự toán ngân sách năm được duyệt và hạn mức chi hàng quý đã thông báo; có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện quy định tại Điều 48 của Nghị định này nhưng phải thông báo kịp thời cho đơn vị biết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đơn vị bị từ chối chi nếu không nhất trí với quyết định của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước, có quyền khiếu nại với cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước cấp trên.

Điều 58.- Trường hợp nguồn thu và các khoản vay trong kế hoạch của ngân sách trung ương không tập trung kịp theo tiến độ kế hoạch, sau khi đã sử dụng quỹ dự trữ tài chính vẫn không đáp ứng nhu cầu chi, Bộ Tài chính được tạm ứng vốn của Ngân hàng Nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải hoàn trả trong năm.

Chương V

KẾ TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 59.- Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu, nộp ngân sách Nhà nước và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán theo chế độ kế toán nhà nước và Mục lục Ngân sách Nhà nước.

Điều 60.- Các đơn vị dự toán và các cấp chính quyền phải tổ chức bộ máy kế toán ngân sách và bố trí cán bộ làm công tác kế toán ngân sách đúng chức danh, tiêu chuẩn theo quy định của chế độ kế toán Nhà nước.

Điều 61.-

1. Công tác kế toán và quyết toán ngân sách Nhà nước phải thực hiện thống nhất về:

- Chứng từ thu, chi ngân sách Nhà nước;
- Hệ thống tài khoản, sổ sách, mẫu biểu báo cáo kế toán ngân sách;
- Mục lục Ngân sách Nhà nước.

2. Năm ngân sách bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 62.- Hết kỳ kế toán (tháng, quý, năm) các đơn vị kế toán phải khóa sổ kế toán. Khóa sổ kế toán ngân sách cuối năm phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Tất cả các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước, nộp trong năm sau phải hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau.

2. Tất cả các khoản chi ngân sách thuộc dự toán năm trước chưa thực hiện, không được chuyển sang năm sau cấp phát tiếp. Trường hợp đặc biệt được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Chủ tịch Ủy ban Nhân dân (đối với ngân sách các cấp chính quyền địa phương) quyết định cho cấp phát tiếp thì hạch toán và quyết toán như sau:

- Nếu được quyết định vào chi ngân sách năm trước, thì dùng tồn quỹ ngân sách năm trước để xử lý và hạch toán, quyết toán vào chi ngân sách năm trước (trong thời gian chính lý quyết toán);

- Nếu được quyết định vào chi ngân sách năm sau thì được bố trí vào dự toán chi của ngân sách năm sau.

3. Các khoản nợ, vay và tạm ứng của các đơn vị dự toán và của ngân sách các cấp chính quyền phải thanh toán trước khi khóa sổ kế toán cuối năm; trường hợp đặc biệt, nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì chuyển nợ, vay và tạm ứng của ngân sách năm trước sang nợ, vay và tạm ứng của ngân sách năm sau.

4. Các khoản tạm thu, tạm giữ phải được xem xét cụ thể và xử lý như sau:

- Hoàn trả cho các đối tượng bị tạm thu, tạm giữ hoặc nộp vào ngân sách Nhà nước tùy từng trường hợp cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Các khoản tạm thu, tạm giữ chờ xử lý được chuyển vào tài khoản tạm giữ theo hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

5. Đối với các loại vật tư, hàng hóa tồn kho và tiền mặt tồn quỹ tại các đơn vị dự toán cuối ngày 31 tháng 12 phải thực hiện kiểm kê theo quy định hiện hành và được xử lý như sau:

- Hàng hóa, vật tư còn sử dụng tiếp cho năm sau thì quyết toán vào chi ngân sách năm trước và trừ vào kinh phí ngân sách năm sau.

- Hàng hóa, vật tư không sử dụng, được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách năm trước và thành lập hội đồng thanh lý bán nộp vào ngân sách Nhà nước năm sau.

- Tồn quỹ tiền mặt của đơn vị đến ngày 31 tháng 12 thuộc nguồn kinh phí của ngân sách

Nhà nước chưa sử dụng hết, trừ những khoản phải chi nhưng chưa chi, số còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Số dư kinh phí ủy quyền đến hết ngày 31 tháng 12, Kho bạc Nhà nước đồng cấp làm thủ tục chuyển trả ngân sách cấp trên và báo cho cơ quan tài chính đồng cấp biết. Kho bạc Nhà nước cấp trên nhận được khoản nộp trả kinh phí ủy quyền của ngân sách cấp dưới, hạch toán giảm cấp phát ngân sách cấp trên và báo cho cơ quan tài chính đồng cấp biết.

Điều 63.- Thời gian chỉnh lý quyết toán quy định như sau:

1. Thời gian chỉnh lý quyết toán là thời gian để xử lý các việc sau đây:

- Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách đã phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước, nhưng chứng từ còn đi trên đường;

- Đối chiếu và xử lý những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán;

- Xử lý các khoản chi ngân sách thuộc năm trước theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

2. Thời gian chỉnh lý quyết toán quy định:

- Hết ngày 20 tháng 1 đối với ngân sách cấp xã;

- Hết ngày 15 tháng 2 đối với ngân sách cấp huyện;

- Hết ngày 15 tháng 3 đối với ngân sách cấp tỉnh;

- Hết ngày 31 tháng 3 đối với ngân sách trung ương.

Điều 64.- Báo cáo quyết toán năm phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Số liệu trong báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực với số liệu trong sổ kế toán. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được duyệt và theo Mục lục Ngân sách Nhà nước.

2. Báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán và của ngân sách các cấp chính quyền không được quyết toán chi lớn hơn thu.

3. Ngân sách cấp dưới không được quyết toán các khoản kinh phí ủy quyền vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình; cuối năm cơ quan tài chính cấp dưới lập báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn ủy quyền gửi cơ quan tài chính cấp trên.

4. Báo cáo quyết toán năm gửi cho cơ quan có thẩm quyền phải kèm báo cáo phân tích quyết

toán, bảng cân đối tài khoản kế toán và phải có xác nhận của cơ quan Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch.

Điều 65.- Quyết toán năm của ngân sách các cấp chính quyền nếu có kết dư thì xử lý như sau:

1. Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được trích năm mươi phần trăm (50%) chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính, năm mươi phần trăm (50%) chuyển vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp Quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức giới hạn theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 56 của Nghị định này thì chuyển số dư còn lại vào thu ngân sách năm sau.

2. Kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã chuyển một trăm phần trăm (100%) vào thu ngân sách năm sau.

Điều 66.- Trình tự lập, gửi, xét duyệt báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán được quy định như sau:

1. Đơn vị dự toán cấp dưới có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán ngân sách năm theo mẫu biểu quy định gửi đơn vị dự toán cấp trên; trong thời gian tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán, đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt báo cáo quyết toán cho đơn vị dự toán cấp dưới. Sau 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên, đơn vị dự toán cấp dưới nếu không có ý kiến gì khác thì coi như chấp nhận để thi hành.

2. Cơ quan dự toán cấp I có trách nhiệm tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm (gồm báo cáo quyết toán đơn vị mình và báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc) gửi cho cơ quan tài chính đồng cấp.

3. Cơ quan tài chính có trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I trực thuộc trong thời gian tối đa 10 ngày (đối với cấp huyện); 20 ngày (đối với cấp tỉnh); 30 ngày (đối với cấp trung ương) kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt báo cáo quyết toán năm cho các đơn vị. Sau 10 ngày, kể từ khi nhận được thông báo xét duyệt báo cáo quyết toán năm của cơ quan tài chính, nếu đơn vị không có ý kiến gì khác thì coi như chấp nhận để thi hành.

Trong quá trình xét duyệt quyết toán, cơ quan tài chính có quyền tham gia xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc các đơn vị dự toán đồng cấp nếu thấy cần thiết.

4. Trường hợp đơn vị cơ sở kiến không thống nhất với kết quả thông báo xét duyệt quyết toán của cơ quan tài chính thì đơn vị phải trình Ủy ban Nhân dân cùng cấp (nếu là đơn vị dự toán thuộc các cấp chính quyền địa phương) hoặc trình Chính phủ (nếu là các đơn vị dự toán thuộc trung ương) để quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của Ủy ban Nhân dân cùng cấp và Chính phủ thì mọi quyết định của cơ quan tài chính vẫn được thi hành.

5. Cơ quan được giao nhiệm vụ thu có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán thu ngân sách; lập báo cáo quyết toán thu ngân sách Nhà nước hàng năm gửi cơ quan quản lý cấp trên và gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 67.- Trình tự lập, gửi và phê duyệt báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của các cấp được quy định như sau:

1. Ban Tài chính xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của cấp xã trình Ủy ban Nhân dân xã để trình Hội đồng Nhân dân xã phê chuẩn.

Sau khi Hội đồng Nhân dân xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán được lập thành 4 bản gửi Hội đồng Nhân dân xã, Ủy ban Nhân dân xã và Phòng Tài chính huyện.

2. Phòng Tài chính huyện có trách nhiệm thẩm tra báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của cấp xã; lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp báo cáo thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện; quyết toán chi ngân sách huyện (gồm chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã) trình Ủy ban Nhân dân huyện để trình Hội đồng Nhân dân huyện phê chuẩn. Sau khi Hội đồng Nhân dân huyện phê chuẩn, báo cáo quyết toán năm được lập thành 4 bản gửi Hội đồng Nhân dân huyện, Ủy ban Nhân dân huyện và Sở Tài chính - Vật giá.

3. Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm thẩm tra báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của cấp tỉnh; tổng hợp báo cáo thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo quyết toán chi ngân sách tỉnh (bao gồm: chi ngân sách cấp tỉnh, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách cấp xã) trình Ủy ban Nhân dân tỉnh để trình Hội đồng Nhân dân tỉnh phê chuẩn, đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước khu vực. Sau khi được Hội đồng Nhân dân tỉnh phê chuẩn, báo cáo quyết toán năm được lập thành 4 bản gửi Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm tra báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách tỉnh; lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và tổng hợp lập báo cáo tổng quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước trình Chính phủ để trình Quốc hội phê chuẩn; đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

Điều 68.- Đối với các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, các chương trình dự án quốc gia, chủ đầu tư, dự án phải thực hiện kế toán, báo cáo và quyết toán theo chế độ quy định hiện hành:

1. Kết thúc năm ngân sách, đối với các công trình xây dựng cơ bản và chương trình dự án quốc gia đã hoàn thành thì chủ đầu tư, dự án phải lập báo cáo tổng quyết toán toàn bộ nguồn vốn, tình hình sử dụng vốn theo chế độ quy định hiện hành gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư và cơ quan có thẩm quyền xét duyệt; nếu công trình xây dựng cơ bản, chương trình dự án quốc gia chưa hoàn thành, cuối năm chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán nguồn vốn đã được cấp, tình hình sử dụng vốn và tiến độ đã thực hiện gửi cơ quan cấp phát vốn đầu tư và cơ quan tài chính.

2. Riêng các công trình xây dựng cơ bản quan trọng, chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán trình Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội.

Điều 69.- Trong quá trình thẩm tra, xét duyệt báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị, cơ quan tài chính có trách nhiệm hoàn trả các khoản đã nộp ngân sách không đúng quy định của pháp luật và có quyền xuất toán, thu hồi các khoản chi không đúng chế độ, ra lệnh nộp ngay các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo chế độ quy định.

Ngân sách cấp nào thu thì ngân sách cấp đó phải hoàn trả, khi hoàn trả phải hạch toán giảm thu ngân sách và khi xuất toán, thu hồi các khoản chi phải hạch toán giảm chi ngân sách.

Điều 70.-

1. Thời hạn nộp báo cáo kế toán và quyết toán quý, năm:

a) Báo cáo tháng và quyết toán quý do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

b) Báo cáo quyết toán năm gửi cơ quan tài chính chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc năm (đối với đơn vị dự toán cấp I của huyện), 60 ngày (đối với đơn vị dự toán cấp I của tỉnh) và 90 ngày (đối với đơn vị dự toán cấp I của Trung ương).

c) Báo cáo quyết toán năm của ngân sách cấp dưới gửi cấp trên chậm nhất là ngày 31 tháng 1

năm sau (đối với quyết toán ngân sách xã); chậm nhất là ngày 28 tháng 2 năm sau (đối với quyết toán ngân sách huyện) và chậm nhất là ngày 30 tháng 3 năm sau (đối với quyết toán ngân sách tỉnh).

2. Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới không gửi báo cáo quyết toán quý và báo cáo quyết toán năm đúng thời gian quy định, cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ cấp kinh phí cho đến khi nhận được báo cáo quyết toán, trừ một số khoản chi cấp thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 71.- Trường hợp giải thể đơn vị kế toán, thủ trưởng đơn vị và người phụ trách kế toán đơn vị phải chịu trách nhiệm giải quyết mọi khoản thu, chi; lập và gửi báo cáo kế toán và quyết toán đến thời điểm giải thể theo quy định của chế độ báo cáo kế toán. Thủ trưởng và người phụ trách kế toán của đơn vị phải hoàn thành việc báo cáo kế toán và quyết toán mới được điều đi công tác khác.

Điều 72.- Việc kiểm toán báo cáo quyết toán năm của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp chính quyền do cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70 và 74 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 73.- Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm hạch toán kế toán chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước theo chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và theo Mục lục Ngân sách Nhà nước hiện hành; định kỳ báo cáo kế toán xuất, nhập quỹ ngân sách theo các mẫu biểu kế toán ngân sách Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước cấp trên, đồng gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Số liệu thu, chi ngân sách Nhà nước trên báo cáo kế toán của Kho bạc Nhà nước các cấp phải đúng với số liệu báo cáo thu, chi ngân sách Nhà nước của cơ quan tài chính cùng cấp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74.- Việc lập, chấp hành và quyết toán một số khoản chi đặc biệt thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 75.- Nghị định này có hiệu lực từ năm ngân sách 1997. Những quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trái với nội dung Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 76.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 88-CP ngày 31-12-1996 về Chương trình phát triển khoa học và công nghệ vật liệu ở Việt Nam đến năm 2010.

Khoa học và công nghệ vật liệu là một tập hợp các ngành khoa học trong việc nghiên cứu thành phần, cấu trúc và quy trình gia công vật liệu để tạo ra vật liệu có các tính năng kỹ thuật cần thiết và sản xuất trên quy mô công nghiệp.

Công nghệ tiên tiến trong công nghiệp vật liệu đóng góp một phần quan trọng không thể thiếu được đối với sự tăng trưởng kinh tế, là cơ sở phát triển của nhiều ngành mới và sản phẩm mới, tạo điều kiện khai thác tối ưu các nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân và đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết này khái quát tình hình công nghiệp vật liệu ở nước ta hiện nay, xác định mục tiêu, phương hướng, nội dung phát triển khoa học và công nghệ vật liệu đến năm 2010 và các chủ trương, biện pháp chính nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra.